

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/ 2019/ HSST

Ngày: 04/ 10/ 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kim
2. Ông Doãn Đức Hà

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Trần Thị Liên - Thư ký TAND huyện Đông Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên

Ngày 04/ 10/ 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/ 2019/ HSST ngày 11/ 7/ 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/ QĐXXST- HS ngày 23/ 8/ 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị Th - sinh 1969 (là đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn LC, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Giáo viên; Văn hóa: 10 /10; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn T và bà Lê Thị Th ; Có chồng là Nguyễn Thế X (đã chết) và có 01 con sinh năm 1990 ; Tiền án, tiền sự : Không; Tạm giữ từ ngày 31/ 01/ 2019 chuyển tạm giam từ ngày 03/ 02/ 2019 đến nay, tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại : 1. Anh Lê Duy T – Sinh năm 1980 – Vắng mặt

Địa chỉ : Thôn 4, xã TTr, huyện T H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị L – Sinh 1995 - Vắng mặt

HKTT : 147 LL, Thị trấn TS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay : Phố Bà Triệu Thị trấn TS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30' ngày 31/01/2019 tại văn phòng công chứng Như Chính, xã Đông Hoàng, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa tổ công tác Công an huyện Đông Sơn phối hợp với Công an xã ĐH bắt quả tang Lê Thị Th đang sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chủ sử dụng đất là Lê Thị Th sinh năm 1969 ở Thôn 2, xã HTh, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa để bán 01 lô đất cho anh Lê Duy T ở xã TTr, huyện T H, tỉnh Thanh Hóa nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Tang vật thu giữ gồm: 100 tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, loại polime mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên chủ sử dụng đất là Lê Thị Th; 01 con dấu khắc tên Lê Văn Đ, 01 con dấu in chữ trường tiểu học TTh, phòng giáo dục và đào tạo huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, 01 đơn xin xác nhận lương và công tác đề năm 2018, 01 danh sách chi tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân đề năm 2018.

Quá trình điều tra có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 30/01/2019, Th dùng số điện thoại của mình là 0373663257 gọi điện cho anh Lê Duy T để chào bán một lô đất. Khoảng 30 phút sau thì anh T đến nhà Th để xem đất. Th chỉ 01 lô đất là mảnh đất của gia đình Th cho anh T xem và thỏa thuận bán lô đất trên cho anh T với giá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), hẹn đến sáng ngày 31/01/2019 sẽ gặp nhau ở Văn phòng công chứng Như Chính, xã ĐH, huyện ĐS để làm thủ tục chuyển nhượng đất.

Sáng ngày 31/01/2019, anh T đến Văn phòng công chứng Như Chính để đợi Th đến làm thủ tục chuyển nhượng đất nhưng khi Th đến thì thiếu một số giấy tờ nên nói với anh T là ngồi đợi để quay về nhà lấy. Do nghi ngờ giấy tờ giả nên khi Th quay lại nộp hồ sơ thì văn phòng công chứng Như Chính hẹn đến chiều quay lại để làm thủ tục, đồng thời báo cho Công an huyện Đ S. Đến 14 giờ 30 phút ngày 31/01/2019, Th và anh T đến Văn phòng công chứng để làm thủ tục. Khi hai bên đã ký giấy tờ chuyển nhượng đất xong và anh T vừa giao số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho Lê Thị Th thì bị lực lượng Công an huyện Đ S và Công an xã Đ H phát hiện bắt quả tang.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Th còn khai nhận trước đó vào ngày 27/01/2019, cũng bằng thủ đoạn tương tự Th đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để bán 01 lô đất cho chị Nguyễn Thị L sinh năm 1995 ở thị trấn TS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa chiếm đoạt số tiền: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Số tiền trên, Th đã dùng để trả nợ hết. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà Th đã dùng để lừa bán đất cho chị Nguyễn Thị L.

Tại cơ quan điều tra Lê Thị Th khai nhận: Vào khoảng giữa năm 2017, do quen biết với chị Nguyễn Thị Bi ở Thôn 5, xã HT, huyện TS nên Th đến nhà chị B nói với chị B là nếu chị B có nhu cầu vay tiền thì để Th vay cho. Sau đó, chị B lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 231, ở tờ bản đồ số 25, ở thôn 5, xã HT đưa cho Th xem. Sau đó Th đã dùng điện thoại để chụp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến cuối năm 2018, Th nhờ Nguyễn Thị B, sinh năm 1969, ở SN 320 QTr 1, phường ĐV, TP T H làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Th là chủ sở hữu thửa đất số 231, ở tờ bản đồ số 25, ở thôn 5, xã H T, TS với giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng). sau đó B tiếp tục giới thiệu và cho Th số điện thoại của một người tên Th ở thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ) để liên liên lạc với Th làm giả thêm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Th đã sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để đi lừa đảo chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm chiếm đoạt tài sản của anh T và chị L.

Đối với con dấu tròn in nội dung “Trường tiểu học TTh, phòng giáo dục và đào tạo huyện TS tỉnh Thanh Hóa” và con dấu tên Lê Văn Đ mà CQĐT thu giữ, Th khai nhận đặt mua của một người không rõ tên và quán chỉ trên mạng xã hội Facebook với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng). Th không nhớ tài khoản Facebook mình đã dùng và không nhớ tài khoản Facebook và số điện thoại của người đã liên hệ để đặt mua dấu. Th đã dùng 02 con dấu trên để đóng lên “đơn xin xác nhận lương và nơi công tác”, “danh sách chi tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân” và mạo chữ ký của ông Lê Văn Đ hiệu trưởng và ông Nguyễn Hữu N kế toán trường tiểu học T Th nhằm mục đích đi vay tiền ngân hàng nhưng chưa thực hiện được. Th khai nhận nội dung trong “đơn xin xác nhận lương và nơi công tác”, “danh sách chi tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân” là do Th tự nghĩ đánh máy ra, không phải là tài liệu mà Th lấy được của trường Tiểu học TTh.

Ngày 06/02/2019 trường Tiểu học TTh đã có Công văn trả lời Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn xác nhận 02 tài liệu là “đơn xin xác nhận lương và nơi công tác”, “danh sách chi tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân” không phải do trường Tiểu học T Th cấp ra và nhà trường cũng không có tài liệu nào giống như trên.

Ngày 04/02/2019, phòng PC09 Công an tỉnh Thanh Hóa có kết luận giám định số 521/KLGD-PC09 kết luận: Chữ ký đứng tên Lê Xuân D trên các tài liệu cần giám định với chữ ký đứng tên Lê Xuân D trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra; Hình dấu tròn màu đỏ, nội dung “ ỦY

BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN T. THANH HÓA” trên các tài liệu cần giám định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) không phải là hình dấu đóng trực tiếp, hình dấu được làm bằng phương pháp in màu.

Ngày 17/5/2019, Phòng PC09 Công an tỉnh Thanh Hóa có kết luận giám định số 1236/PC09 kết luận: hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “Trường tiểu học TTh * phòng giáo dục và đào tạo huyện TS, Thanh Hóa” do con dấu gửi giám định đóng ra với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu tên “Lê Văn Đ” do con dấu gửi giám định đóng ra với hình dấu tên có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 09/4/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 01 để trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Thanh Hóa giám định hình dấu tròn màu đỏ nội dung “Trường Tiểu học TTh * phòng giáo dục và đào tạo H. TS T. Thanh Hóa, hình dấu tên “Lê Văn Đ”, chữ ký đứng tên “Lê Văn Đ” và chữ ký đứng tên “Nguyễn Hữu N” trên mẫu gốc đã thu so với mẫu dấu, mẫu chữ ký trong “Đơn xin xác nhận lương và công tác”, “danh sách chi tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân” có phải do cùng một con dấu đóng ra và cùng một người ký hay không?

Ngày 18/5/2019 Phòng PC09 Công an tỉnh Thanh Hóa có kết luận giám định số 1238/PC09 kết luận: hình dấu tròn màu đỏ nội dung “Trường Tiểu học T Th * phòng giáo dục và đào tạo H. TS T. Thanh Hóa, hình dấu tên “Lê Văn Đ”, chữ ký đứng tên “Lê Văn Đ” và chữ ký đứng tên “Nguyễn Hữu N” trên mẫu gốc đã thu so với mẫu dấu, mẫu chữ ký trong “Đơn xin xác nhận lương và công tác”, “danh sách chi tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân” không phải do cùng một con dấu đóng ra và cùng một người ký.

Quá trình điều tra và đối chất bà Nguyễn Thị B không thừa nhận đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Lê Thị Th và cũng không giới thiệu Thương cho Th. Đối tượng có tên Th hiện nay không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi Th dùng con dấu và dấu tên giả của trường tiểu học T Th đóng lên “đơn xin xác nhận lương và nơi công tác”, “danh sách chi tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân” nhằm mục đích đi vay tiền ngân hàng nhưng chưa thực hiện hành vi trái pháp luật, vì vậy không đủ cơ sở để xử lý hình sự. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi trên theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại 50.000.000đ cho anh Lê Duy T, anh T đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 70.000.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị L.

Tại cơ quan điều tra Lê Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án

Về vật chứng: 01 hộp giấy được niêm phong bởi các hình dấu của phòng giám định Công an tỉnh Thanh Hóa (bên trong có 01 con dấu tròn khắc tên Lê Văn Đ, 01 con dấu in chữ "trường tiểu học Triệu Thành, phòng giáo dục và đào tạo huyện TS, tỉnh Thanh Hóa" giả hiện đang quy trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn theo phiếu nhập kho ngày 08/7/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn với Công an huyện Đông Sơn.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-ĐS ngày 09/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, đã truy tố bị cáo Lê Thị Th về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c Khoản 2 Điều 174 của BLHS 2015 và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 của BLHS 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

Điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, d Khoản 2 Điều 341; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS.

Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Điều 333; 336; 337 của BLTTHS và Điểm a, c khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt: Lê Thị Th từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo với anh Lê Duy T đã được giải quyết xong.

Buộc bị cáo Lê Thị Th phải trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị L là 70.000.000đ.

Về vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ số vật chứng hiện đang quy trữ tại Chi cục Thi hành án huyện Đông Sơn.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do giữa bị cáo với chị B có quan hệ bạn bè, nên vào khoảng giữa năm 2017, bị cáo có đến nhà chị B nói với chị B là nếu chị B có nhu cầu vay tiền thì để bị cáo vay cho. Sau đó, chị B lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 231, ở tờ bản đồ số 25, ở thôn 5, xã HTh đưa cho bị cáo xem. Sau khi xem xong bị cáo đã dùng điện thoại để chụp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến cuối năm 2018 do bị cáo rất khó khăn về kinh tế, nên bị cáo đã nhờ người làm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, chỉ thay tên chủ sử dụng đất là Lê Thị Th còn mọi thông tin khác trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giống thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị B mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để mời chào đất, đến ngày 27/01/2019 bị cáo ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị L lấy 70.000.000đ và đến ngày 31/01/2019 khi đang làm thủ tục chuyển nhượng đất tiếp cho anh Lê Duy T lấy 50.000.000đ thì bị bắt quả tang.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan , tổ chức” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 của BLHS 2015. Vì vậy VKSND huyện Đông Sơn truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo điểm c Khoản 2 Điều 174 và tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan , tổ chức” theo điểm b, d khoản 2 Điều 341 của BLHS 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Với mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân, Bị cáo đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cùng với thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu

đến trật tự an toàn xã hội. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng:

Đ i với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo và bị cáo tự khai hành vi phạm tội ngày 27/01/2019(bán đất cho chị L) vì biết không thể trốn trách được. Nên khi xem xét hình phạt cũng cần áp dụng Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo phạm nhiều tội, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Duy T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên công nhận phần dân sự giữa anh T với bị cáo đã được giải quyết xong.

Xét việc yêu cầu trả lại tài sản đã bị chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên căn cứ Khoản 1 Điều 48 của BLHS buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 70.000.000đ.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 hộp giấy được niêm phong bởi các hình dấu của phòng giám định Công an tỉnh Thanh Hóa (bên trong có 01 con dấu tròn khắc tên Lê Văn Đ, 01 con dấu in chữ " Trường tiểu học Triệu Thành, phòng giáo dục và đào tạo huyện TS, tỉnh Thanh Hóa" giả hiện đang quy trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn là vật không có giá trị sử dụng và không sử dụng được. Do đó cần căn cứ Khoản 1, điểm c Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS để tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000đ án phí DSST theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm a, c khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, d Khoản 2 Điều 341; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS.

Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Điều 333 của BLTTHS và Điểm a, c khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt:

Lê Thị Th 03 năm 06 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 năm 06 tháng (Sáu năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận phần dân sự giữa bị cáo với anh Lê Duy T đã được giải quyết xong.

Buộc bị cáo Lê Thị Th phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, các bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 hộp giấy được niêm phong bởi các hình dấu của phòng giám định Công an tỉnh Thanh Hóa (bên trong có 01 con dấu tròn khắc tên Lê Văn Điền, 01 con dấu in chữ " Trường tiểu học Triệu Thành, phòng giáo dục và đào tạo huyện TS, tỉnh Thanh Hóa".

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn theo phiếu nhập kho ngày 08/7/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn với Công an huyện Đông Sơn.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 3.500.000đ án phí DSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- Trại tạm giam
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Ông Lê Văn Kim
2. Ông Doãn Đức Hà

Lê Thị Hương

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- Trại tạm giam
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương

Nơi nhận:

- Bị cáo,
- UBND P Ngọc Trạo, Lam Sơn
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Công an TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương

2. Phạm Văn Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

